TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàng Thi

2. Bà Lý Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:*

Bà Phạm Linh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST -HN ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn*:

Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994. (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ:số I, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*:

Anh Nguyễn Thông H, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: số H, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh H kết hôn vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không

phù hợp. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 08/11/2016. Chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh Nguyễn Thông H đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Thông H được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt; Hội đồng xét xử vắng mặt chị T và anh H là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/4/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 08/11/2016. Chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Nhận thấy, con đang sống với chị T, cần tiếp tục giao cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do đó, yêu cầu của chị T về việc buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên chấp nhận. Về mức cấp dưỡng: mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu là thấp hơn quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, đây là sự tự nguyện của chị T nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí là 300.000đ. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: anh H phải chịu là 300.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Nguyễn Thông H.

Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Thông H. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 08/11/2016. Giao con Nguyễn Thị Ngọc H1 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng: kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu H1 tròn 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T khai không có nên không xét đến.

4. Án phí

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu số 0000551 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh H vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND phường Phú Khương
(Số 24/2016/ĐKKH ngày 29/4/2016)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu